

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP1	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
2		TD3+TD5	7:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
3		TD2+MRM+RP3	9:25	7+1+14	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
4		P9+TD3	9:25	7+14	0+0		1+21	0+0	
5		TD2+TD5	11:25	21+1	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - RP1	CREW: QViệt - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO TRONG HAI	TD2	27-28	2	15		81	Y TE	Vietnamese
2	BUI VAN CHINH	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
3	VUONG DINH LIEN	TD2	11	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC DUNG	TD2	08	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN CUONG	TD2	07	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM NGOC HAI	TD2	15	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN LIEM	TD2	14	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
8	CAO VAN LOI	TD2	12	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VAN HOANG	TD2	02	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
10	LE VIET CHIEN	TD2	13	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN HUNG	TD2	10	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
12	MAI DUC THAN	TD2	04	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	CHUCHEV A.	TD2	18-19	2	10		82	KH-THAC	Russian
14	STUDENIKIN O.	TD2	16-17	2	10		75	NIPI	Russian
15	TRAN VAN HUNG	TD2	05	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN TUAN ANH	TD2	03	1	3		89	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM LE NAM	TD2	20	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM THE CHUYEN	TD2	01	1	5	90	67	KHOAN	Vietnamese
19	LE HUNG CUONG	TD2	09	1	4		101	KHOAN	Vietnamese
20	LE TRUNG HIEU	TD2	21	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM TIEN VINH	TD2	06	1	15		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

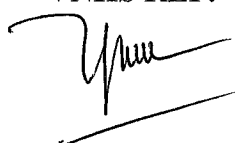
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	23	124	1.591	90	18		
2	RP1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	23	124	1.591	90	22		
WEIGHT KG				124	1.591	90			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/04/2024	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHU - LHải - dũng	ETA: 09:25
CAM-1			

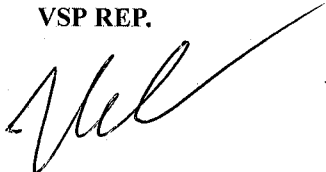
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TÀNG GIAP	TD3	500	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ TIẾN LỤC	TD3	99	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	98	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	93-94	2	9		89	KHOAN	Vietnamese
5	HUỖNH TUÂN DUYỄN	TD3	95-96	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN DINH	TD5	09-10	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ QUỐC BAO	TD5	05-06	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	NHŨ THANH TUYỀN	TD5	12	1	7	70	68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	11	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	26	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
11	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	20	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	16	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	13	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
15	VÕ HỒNG TIN	TD5	01-02	2	18		85	YTE	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	07	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN HOANG LAM	TD5	03	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TÂN BÌNH	TD5	08	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN DUY	TD5	25	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	18-19	2	9		55	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ VINH CƯỜNG	TD5	17	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HẢI -92	TD5	14-15	2	10		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

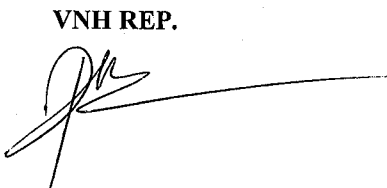
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	7	31	358	0	4		
2	TD5	17	22	128	1.278	70	18		
TOTAL		22	29	159	1.636	70	22		
WEIGHT KG				159	1.636	70			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TD2 - MRM - RP3	CREW: QViệt - MTHAO - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	35	1	5	38	80	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HAI SƠN	TD2	30	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
3	BUI SY TRUONG	TD2	29	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ THANH QUANG	TD2	31	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM SY NGOC MINH	TD2	32	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	TD2	33	1	16		95	KHOAN	Vietnamese
7	VU XUAN TIEN	TD2	34	1	9		70	PSV	Vietnamese
8	LAI ANH TUAN	MRM	60	1	15	58	100	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP3					69	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN LÊ KIẾN	RP3	39	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	RP3	35	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ SĨ PHỤNG	RP3	36	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP3					80	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐÌNH THANH	RP3					60	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TÂN ĐIỀN	RP3	41-43	3	14		61	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP3	33	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NHẬT QUANG	RP3	40	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TUYẾN	RP3					64	KHOAN	Vietnamese
19	BUI NGOC TU	RP3	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VIỆT BẠC	RP3	44	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIỀN HOA	RP3	37-38	2	9		79	KHOAN	Vietnamese
22	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP3	45	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	7	60	541	38	5		
2	MRM	1	1	15	100	58	2		
3	RP3	14	13	74	964	0	15		
TOTAL		22	21	149	1.605	96	22		
WEIGHT KG				149	1.605	96			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

đđđ VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2024	TO: P9 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHU - LHai - dưng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	18,23	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC PHONG	P9	19	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THOONG	P9	16-17	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KIM THĂNG	P9	71,15	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH TU	P9	19-20	2	23		64	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUYÊN	P9	24	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH QUANG KHANH	P9	21-22	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI THỂ MẠNH	TD3	77	1	7		77	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	86	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3					81	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	91	1	8		83	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGỌC THÀNH	TD3	78	1	5	35	71	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUẤN	TD3	83	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	90	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN XUYEN	TD3	87	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC BAO TU	TD3	89	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	84	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	KOSHELEV PAVEL	TD3	85	1	5		92	KHOAN	Russian
19	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	92	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG HUY LONG	TD3	88	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
21	TẠ HOÀI TRANG	TD3	97	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	7	12	106	469	0	1		
2	TD3	14	13	74	1.020	35	21		
TOTAL		21	25	180	1.489	35	22		
WEIGHT KG				180	1.489	35			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

đinh vsp



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: TD2 - TD5	CREW: KHOAN - NPhú - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TRỌNG NHIÊN	TD2	54	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ANH TUÂN	TD2	56	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD2	41	1	15		93	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA CUONG	TD2	55	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	TD2	57	1	12		53	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO CHÍ THANH	TD2	42	1	14		86	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ VĂN KIỂM	TD2	48	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	TD2	39	1	12		52	CODIEN	Vietnamese
9	LÂM QUANG DUY	TD2	43	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC DUNG	TD2	47	1	6		55	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HỮU	TD2	49	1	11	30	65	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM THANH BÌNH	TD2	38	1	7		82	ANTOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD2	40	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	VÔ VĂN TUÂN TỰ	TD2	44	1	5		71	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH THAI	TD2	45	1	4		100	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN DƯ	TD2	46	1	10		68	PSV	Vietnamese
17	SOTRIVEX IGOR	TD2	50	1	9		105	KHOAN	Russian
18	PHẠM VĂN PHƯƠNG HUNG	TD2	51	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
19	FOK S.I.	TD2	52	1	10		121	KHOAN	Russian
20	PHẠM THE QUANG	TD2	53	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
21	KIM NHẬT THANH	TD5	27	1	12	24	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	20	195	1.498	30	7		
2	TD5	1	1	12	65	24	15		
TOTAL		21	21	207	1.563	54	22		
WEIGHT KG				207	1.563	54			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P11	9:25	15+7	0+0		13+8	0+0	
2		TD3+BK20+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	chuyen 3 bk20- ctk3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 7/4/2024	TO: TD5 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 0730
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHosm - NAnh - the	ETA: 0920
Xanh - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	68	1	5		68	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	66	1	7		104	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THIEU	TD5	64	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	67	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRUONG TRUNG	TD5	69	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN KHOA	TD5	72	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN MANH	TD5	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	LUU VAN PHONG	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
10	HA VAN PHUC	TD5	59	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	72	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DANG KHOI	TD5	70	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
13	VU XUAN	TD5	61	1	12		90	ANTOAN	Vietnamese
14	DINH VAN HOAI	TD5	60	1	3		60	PSV	Vietnamese
15	DO HUY KHANH	TD5	63	1	10		83	PSV	Vietnamese
16	MAI VAN QUYET	P11	04-05	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LE DINH QUANG	P11	06	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN TRINH	P11	07	1	11	45	66	XAYLAP	Vietnamese
19	LE PHUONG VIET ANH	P11	12	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRINH DAC HUNG	P11	10-11	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN VAN PHUONG	P11	13-14	2	15	38	51	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM	P11	08-09	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	14	91	1.113	0	13		
2	P11	7	11	106	441	83	8		
TOTAL		22	25	197	1.554	83	21		
WEIGHT KG				197	1.554	83			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/04	TO: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: R	FROM: TD3 - BK20 - CTK3	CREW: KHANH - N. Anh - Hieu	ETA: 11:40
cam - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	76	1	7		125	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	70	1	5		80	KHOAN	Russian
3	BUI HUU VUNG	TD3	65	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
4	LUU VAN SON	TD3	74	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	64	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	DO THANH HAI	TD3	62-63	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM TRUONG ANH	TD3	61	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
8	VU TOAN THANG	TD3	72	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN CHUNG	TD3	71	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HAI NAM	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
11	VU QUANG HIEU	TD3	75	1	4		120	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MINH THANG	TD3	66	1	3		120	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN QUANG	TD3	58	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	KARIMOV TAGIR G.	TD3	68	1	15		90	D-HANH	Russian
15	NGUYEN THE ANH	TD3	52-54	3	23	20	72	XAYLAP	Vietnamese
16	VUONG MAI	TD3	55-57	3	22		59	XAYLAP	Vietnamese
17	QUACH DAC THAN	TD3	73	1	4		53	PSV	Vietnamese
18	LE THANH CHAU	TD3	59-60	2	7		73	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG TAM	TD3	67	1	8		67	PSV	Vietnamese
20	HOANG GIANG LAM	TD3					78	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN	TD3	69	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	25	156	1.724	20	19		CHUYEN 3 PAX BK20-CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	25	156	1.724	20	22		
WEIGHT KG				156	1.724	20			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN